

V/v tranh chấp

NHÂN DANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Ông Hoàng Minh Trinh

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham

Ngày 18/01/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2017 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXX-HNGĐ ngày 23/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2017 giữa các đương sự:

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B., sinh năm 1990.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình chung sống, bà T. cho rằng đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và hai người sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T. yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông B.

* *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Khánh T. xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bảo Minh, sinh ngày 13/5/2015. Ly hôn, bà T. yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Bách cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Khánh T. xác định không có tài sản chung.

* *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Khánh T. xác định không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và giấy triệu tập cho bị đơn là ông Nguyễn Văn B., nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Ông Nguyễn Văn B. đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần 2, nhưng ông Bách vắng mặt không lý do, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B..

[2] *Về nội dung*: Bà Nguyễn Thị Khánh T. và ông Nguyễn Văn B. kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND p. HCN q.HC, Tp. ĐN. hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Trang là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thiếu tôn trọng lẫn nhau, ông B. bỏ mặc không quan tâm gì đến cuộc sống mẹ con bà, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Tại phiên tòa, bà T. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B..

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. thì thấy: Vợ chồng chung sống với nhau cần phải có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chia sẻ và cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, đối với trường hợp của ông bà từ năm 2016 đến nay thì mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã trở nên trầm trọng, dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà không còn tình cảm yêu thương ông Bách. Tại biên bản xác minh vào ngày 08/9/2017 trong quá trình chung sống vợ chồng ông B., bà T. thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hơn nữa ông B. thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy, do đó năm 2016 bà T. cùng con trai là Nguyễn Bảo M. rời khỏi địa phương vào P.Y sinh sống và vợ chồng ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Do vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

* *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Khánh T. và ông Nguyễn Văn B. có một con chung tên Nguyễn Bảo M., sinh ngày 13 tháng 5 năm 2015. Tại phiên tòa, bà T. yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông B. cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà T. về việc nuôi con HĐXX thấy: Hiện cháu Nguyễn Bảo M. đang sống cùng với bà T., đồng thời để ổn định việc chăm sóc và

sinh hoạt hàng ngày cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Bảo M. cho bà T. trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông B. không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T. xác định ông bà không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Bà T. xác định ông bà không có nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Khánh T. đối với ông Nguyễn Văn B.; Về con chung: giao con chung Nguyễn Bảo M., sinh ngày 13/5/2015 cho bà T. trực tiếp nuôi dưỡng, ông B. không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ do đó cần chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị Khánh T. phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con của bà Nguyễn Thị Khánh T. đối với ông Nguyễn Văn B..

Xử: * Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Khánh T. được ly hôn với ông Nguyễn Văn B..

* Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo M., sinh ngày 13/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Khánh T. trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn B. không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung: Bà T. xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

* Về nợ chung: Bà T. xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đ bà Nguyễn Thị Khánh T. phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 9662 ngày 11/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
XỬ

- Các đương sự (theo địa chỉ);

phiên tòa

- Viện kiểm sát ND q. Hải Châu;
- Chi cục THADS q. Hải Châu;
- UBND p.HCN, q.HC;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT

Thẩm phán - Chủ tọa

Vũ Hồng Hải